

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HS-ST
Ngày: 20/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Lâm và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng (Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh (Kiểm sát viên).

Ngày 20/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 08/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2018/QĐXXST-HS ngày 09/7/2018, đối với bị cáo:

Đặng Mạnh T, sinh năm 1986; nơi sinh tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hợp pháp tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án tại Tổ 03, Thôn 02, xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Mạnh Cương và con bà Đào Thị Minh Nguyệt; có 03 người con chưa thành niên; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2006/HSST ngày 05/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đã kết án: 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm; về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo tại ngoại.

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; cùng địa chỉ cư trú: Ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Văn A (ông là chồng của bà Nguyễn Thị M).

- Bị đơn dân sự: Bà Lữ Thị Kim R, sinh năm 1984; cùng nơi cư trú với bị cáo (Lữ Thị Kim R là vợ của bị cáo).

- Người làm chứng: Ông Đinh Nguyên V, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số nhà 7A, đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo và bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Văn A và ông Đinh Nguyên V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo có giấy phép lái xe hạng D đang còn giá trị đến ngày 14/7/2019. Khoảng 22 giờ 10 phút, ngày 17/12/2017, bị cáo điều khiển xe ô tô biển số 60B-02781 đi trên tuyến đường từ hướng Dầu Giây đi Lâm Đồng, khi đến Km60+900m Quốc lộ 20 thuộc ấp Ngọc Lâm 3, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bị cáo điều khiển xe lấn qua phần đường bên trái để vượt xe phía trước cùng chiều, đã đụng vào xe mô tô biển số 60X2-1182 do người bị hại Nguyễn Duy Hòa điều khiển theo chiều ngược lại gây tai nạn giao thông đường bộ, làm người bị hại chết.

Biên bản khám nghiệm hiện T tại nạn giao thông đường bộ: Xe mô tô biển số 60X2-1182: Nằm ngã bên làn đường phải dành cho xe thô sơ, đầu xe quay về hướng Lâm Đồng, đuôi xe hướng về Dầu Giây; đo từ trục trước và trục sau của bánh xe mô tô đến mép đường chuẩn lần lượt là 1m90 và 1m30; vết cày xe mô tô sau tai nạn dài 19m50, đứt quãng; đo từ đầu vết cày đến mép đường chuẩn là 3m60, đến trục bánh sau bên trái xe ô tô 60B-027.81 là 18m90, cuối vết cày vào mép đường chuẩn là 1m60, điểm đụng xe bên phần đường lưu thông của xe mô tô.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 363/TT/2017 ngày 29/12/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận nguyên nhân chết của người bị hại do chấn thương não gây vỡ hộp sọ phức tạp, xuất huyết cầu não; nồng độ cồn trong máu 279,45 mg/100ml.

Cáo trạng số: 39/CT-VKSTP-ĐN ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

* Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau:

Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tính mạng người bị hại; Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng luật nên giữ nguyên quyết định truy tố;

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, là người lao động chính trong gia đình, có 03 người con chưa thành niên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố: Bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo.

Vật chứng của vụ án: Công an huyện Tân Phú đã trả lại người có quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp và về trách nhiệm dân sự: Đến nay, người đại diện hợp pháp của người bị hại không cầu bị cáo và bị đơn dân sự phải bồi thường thiệt hại nữa nên không xem xét.

* Bị cáo trình bày ý kiến: Nội dung Bản cáo trạng là đúng sự thật, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị đơn dân sự trình bày ý kiến: Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố:

Bản kết luận điều tra không ghi tổng số bút lục, Thống kê tài liệu không có dấu Cơ quan Điều tra là vi phạm quy định của pháp luật. Nhưng vấn đề này không ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng cũng như các vấn đề phải giải quyết trong vụ án nên Tòa án vẫn xét xử vụ án mà không hoãn phiên tòa để khắc phục vi phạm này;

Đối với hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hoạt động tố tụng này của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Ý kiến trình bày của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện T và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ các chứng cứ này, có đủ cơ sở chứng minh, kết luận: Bị cáo vi phạm khoản 2 Điều 14 của Luật giao thông đường bộ, đã phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng đúng luật.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là vi phạm Luật Hình sự, rất nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ khi tham gia giao thông bị cáo không tuân thủ quy định của Luật giao thông đường bộ đã gây ra hậu quả làm chết người bị hại. Hành vi của bị cáo không những ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng của người bị hại mà còn gây đau thương về tinh thần đối với người thân thích của người bị hại, thiệt hại này không có gì để bù đắp được. Cần phải có hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vợ chồng bị cáo đã bồi thường thiệt hại đối với bên người bị hại xong; bị cáo là người lao động chính trong gia đình, có 03 người con chưa thành niên; người đại diện hợp pháp của người bị hại có văn bản yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người bị hại cũng có một phần lỗi: Trong máu người bị hại có nồng độ cồn 279,45 mg/100ml mà điều khiển xe mô tô tham gia giao thông, người bị hại điều khiển xe không có bộ phận đèn chiếu sáng tham gia giao thông trong thời điểm 22 giờ là vi phạm quy định của luật về an toàn giao thông đường bộ. Do đó, Hội đồng xét xử thông nhất áp dụng điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

So sánh quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì không có quy định nào trong Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho bị cáo để áp dụng giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn căn cứ pháp luật hình sự có hiệu lực thi hành trước ngày 01/01/2018 để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ các nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quyết định áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của chính sách pháp luật, A điều kiện để bị cáo có khả năng học tập lao động trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, vẫn bảo đảm tác dụng giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm;

Giao UBND xã nơi cư trú của bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án treo; vẫn tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo: Thời gian sau khi tuyên án đến ngày Tòa án tổng đạt quyết định thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo đến bị cáo và cơ quan có thẩm quyền thi hành án hình sự.

Tòa án xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3] Về vật chứng của vụ án: Công an huyện Tân Phú đã quyết định trả lại xe mô tô và xe ô tô nêu trên đến chủ sở hữu tài sản, người quản lý tài sản hợp pháp là đúng luật; về trách nhiệm dân sự: Đến nay, người đại diện hợp pháp của người bị hại không cầu bị cáo và bị đơn dân sự phải bồi thường thiệt hại nữa nên không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

* Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Lời luận tội của Kiểm sát viên đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị đầy đủ các nội dung phải giải quyết trong vụ án, nhưng về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về án treo là áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 là không phù hợp với quy định tại Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần ý kiến này của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 202; điểm b, p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Nguyễn Mạnh T 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày 20/7/2018;

Giao Ủy ban nhân dân xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; vẫn tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Thời gian sau khi tuyên án đến ngày Tòa án tổng đạt quyết định thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo đến bị cáo (người bị kết án) và cơ quan có thẩm quyền thi hành án hình sự;

T hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú trong giai đoạn thi hành án hình sự thì giải quyết theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

*** Về án phí:**

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

*** Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật;

(Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đã giải thích quy định của pháp luật về án treo để bị cáo biết trách nhiệm của người bị kết án, nghĩa vụ chấp hành án hình phạt tù cho hưởng án treo)./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng (có quyền nhận Bản án);
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo
{để thay thông báo kết quả xét xử};
- Lưu hồ sơ vụ án, TAND huyện Tân Phú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính